

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhó.

Ông Phạm Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 152/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ TRẦN CÔNG K, tên gọi khác: Rin; Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1988 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ 52, phường C1, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: không rõ và bà Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1960), gia đình có bốn anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Ngày 22.9.2005, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 16 năm tù về tội "Giết người". Đến ngày 27.10.2016, ra tù trở về địa phương, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10.8.2019, có mặt tại phiên tòa.

2/ ĐẶNG VĂN N, tên gọi khác: Bư; Sinh ngày 14 tháng 4 năm 1991 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 54, phường K1, quận L, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn T4 (sinh năm 1944) và bà Phạm Thị D (chết), gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ ba. Có vợ là bà Huỳnh Thị Thúy N2 (sinh năm: 1993) và có 01 con sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Ngày 12.01.2017, bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10.8.2019, có mặt tại phiên tòa.

3/ MAI VĂN H, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1988 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 47, phường K1, quận L, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Văn T5 (sinh năm 1965) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1965), gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là bà Nguyễn Thị Thảo Q1 (sinh năm: 1993, đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân:

- Ngày 15.9.2012, bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Đã được xóa án tích.

- Ngày 18.01.2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã được xóa án tích.

- Năm 2016, bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội "Đánh bạc". Đến ngày 11.7.2017, ra tù trở về địa phương. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10.8.2019, có mặt tại phiên tòa.

4/ LÊ TẤT T, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1991 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 81 phường A1, quận K2, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Thợ nhôm kính; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Tất K3 (sinh năm 1967) và bà Hồ Thị T6 (chết), gia đình có ba anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ là bà Ngô Thị Hương G (sinh năm 1991) và có 01 con sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10.8.2019, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Bà **Phạm Thị Lệ T1**, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 53 đường L1, quận S, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông **Lê Hoài T2**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 55 phường K1, quận L, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

2/ Ông **Lý Vũ Ngọc Q**, sinh năm 1987; Địa chỉ: K151 đường N3, tổ 69 phường K1, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3/ Ông **Đỗ Ngọc B**, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 89 phường B1, quận C, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

4/ Bà **Lâm Thị Kim P**, sinh năm 1994, địa chỉ: Số 22 đường P1, phường M, quận C2, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

5/ Bà **Huỳnh Thị H1**, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện P2, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Số 02 đường L2, quận C, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

6/ Bà **Đặng Thúy A**, sinh năm 1983, địa chỉ: K242/35 đường V, phường P3, quận M1, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: K71/22 đường N4, phường G1, quận K2, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

7/ Bà **Trần Thị Mai H2**, sinh năm 1993, địa chỉ: Số 531 đường V1, phường X, quận K2, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

8/ Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1998, địa chỉ: Số 38 đường Đ, phường X, quận K2, thành phố Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 29.7.2019, Đặng Văn N, Mai Văn H, Trần Công K, Lê Tất T hẹn gặp nhau tại quán cà phê Thông trên đường S1, Đà Nẵng (chưa xác định được địa chỉ cụ thể). Tại đây, cả 04 người thống nhất góp mỗi người 10.000.000 đồng, riêng N góp 16.000.000 đồng để mua 100 viên ma túy thuốc lắc và 10 gam ma túy khay về cùng nhau sử dụng. N là người trực tiếp đi mua ma túy và thu tiền của mọi người. Sau khi nhận tiền, N liên lạc với một người thanh niên tên Bảy tại thành phố Hồ Chí Minh (không rõ nhân thân lai lịch) để hỏi mua 100 viên ma túy thuốc lắc và 10 gam ma túy khay với số tiền là 46.000.000 đồng thì Bảy đồng ý nên N nhờ một người bạn (không rõ lai lịch) chuyển số tiền trên cho Bảy thông qua hệ thống Thẻ giới di động tại thành phố Đà Nẵng (chưa xác định được địa điểm chuyển). Đến khoảng 11 giờ ngày 31.7.2019, N đi cùng với H đến Bến xe trung tâm thành phố Đà Nẵng để nhận ma túy; khi đến, H đứng bên ngoài, còn N đi vào gặp nhà xe (chưa xác định được tên nhà xe) để nhận gói ma túy do Bảy gửi rồi đem về phòng trọ của N tại tổ 31, phường Đ1, quận L, thành phố Đà Nẵng. Tại đây, N mở ra đếm được 96 viên ma túy thuốc lắc và 01 gói ma túy khay. N phân chia ma túy khay ra thành nhiều gói nhỏ rồi cất giấu tại phòng trọ và thông báo cho T, K biết đã nhận được ma túy.

Vào buổi tối ngày 04.8.2019 và ngày 07.8.2019, N đem toàn bộ số ma túy nêu trên cùng với H, K, T đến quán Karaoke P4 số 566 đường N5, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với bạn bè. Cả nhóm đã sử dụng hết 26 viên ma túy thuốc lắc và

07 chỉ ma túy khay; 70 viên ma túy thuốc lắc và ma túy khay còn lại N cất giữ trong người.

Đến khoảng 23 giờ ngày 09.8.2019, N, H, T, K thống nhất đến phòng Kingdom 1 quán karaoke R số 199 đường B2, phường G2, quận K2, thành phố Đà Nẵng để hát karaoke và sử dụng ma túy. Sau đó N rủ thêm Lý Vũ Ngọc Q, Đặng Thuý A và Phạm Thị Lệ T1. Lê Tất T rủ thêm Đỗ Ngọc B và Lê Hoài T2. Lý Vũ Ngọc Q đi cùng Lâm Thị Kim P; T2 đi cùng Nguyễn Thị N1. Khi đến quán karaoke R thì cả nhóm gọi thêm 02 nhân viên của quán là Huỳnh Thị H1 và Trần Thị Mai H2 để rót bia.

Tại phòng Kingdom 1 của quán karaoke R, N để gói ni lông chứa 70 viên ma túy thuốc lắc trên bàn và đồ 01 gói ma túy khay ra đĩa sứ màu trắng có sẵn trong phòng, dùng tấm thẻ nhựa chia ra nhiều đường nhỏ rồi lấy tờ tiền 10.000 đồng được cuộn sẵn làm ống hút và để trên bàn ngay tại vị trí N ngồi để ai có nhu cầu thì sử dụng. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 10.8.2019, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Tại thời điểm bắt quả tang, tại phòng Kingdom 1 có 13 đối tượng gồm: Đặng Văn N, Mai Văn H, Trần Công K, Lê Tất T, Đỗ Ngọc B, Lý Vũ Ngọc Q, Lê Hoài T2, Phạm Thị Lệ T1, Lâm Thị Kim P, Huỳnh Thị H1, Nguyễn Thị N1, Đặng Thuý A, Trần Thị Mai H2.

Tang vật thu giữ:

- Thu giữ tinh thể màu trắng bên trên đĩa sứ màu trắng hình tròn có đường kính 25 cm, tiến hành thu gom bỏ vào trong một bao ni lông được niêm phong kí hiệu G1; 01 gói ni lông bên trong có chứa 01 gói ni lông bên trong có chứa tinh thể màu trắng được niêm phong kí hiệu G2; 01 gói ni lông bên trong có chứa 34 viên nén và 01 mảnh vỡ hình chữ nhật màu cam bên trên mỗi viên có khắc chữ “LV” được niêm phong kí hiệu G3; 01 gói ni lông bên trong có chứa 22 viên nén màu xanh có hình giống con chim Cú Mèo được niêm phong kí hiệu G4; 01 gói ni lông bên trong có chứa 07 gói ni lông bên trong mỗi gói có chứa tinh thể màu trắng được niêm phong kí hiệu G5; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn thành hình ống; 01 đĩa sứ màu trắng có đường kính 25 cm và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật 05 cm x 09 cm bên trên có in chữ Chanel.

- Tạm giữ của Đặng Văn N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số Imei: 353110103730396, có gắn sim số: 0901188885 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 357678101395103, có gắn sim số: 0899215363. Số tiền: 122.300.000 đồng;

- Tạm giữ của Trần Công K: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng - trắng, có số Imei: 356708081355966, có gắn sim số: 0777722243 và 01 điện thoại di

động Masstel màu xanh, số Imei: 3525180990279782, có gắn sim số: 0777766643; số tiền 600.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ nâu, biển số đăng ký: 82B2-438.35, số khung: 5143GZ119569, số máy: JF51E0924980;

- Tạm giữ của Lê Tất T: 01 điện thoại di động Iphone màu bạc, số Imei: 3530420994221078, có gắn sim số: 0932442452 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số Imei: 353265072100326, có gắn sim số: 0905888527; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đen, biển đăng ký: 43D1-151.99, số khung: 111339, số máy: 1026294 cùng số tiền: 3.000.000 đồng;

- Tạm giữ của Mai Văn H: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, số Imei: 355392070411980, có gắn sim số: 0905208612 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 358618062914400 cùng số tiền: 9.100.000 đồng.

- Tạm giữ của Lê Hoài T2: 01 điện thoại di động Xiaomi màu bạc, số Imei: 86539603023515, có gắn sim số: 0764777752 và 01 điện thoại di động Nokia màu vàng, số Imei: 47010764971, có gắn sim số: 0935183481; 01 xe mô tô Honda Airblade màu đen bạc, biển đăng ký: 43R2-5345, số khung: 287814, số máy: 0331061;

- Tạm giữ của Lâm Thị Kim P: 01 điện thoại di động iphone màu bạc, số Imei: 354381065767549, có gắn sim số 0905396965;

- Tạm giữ của Trần Thị Mai H2: 01 điện thoại di động iphone màu hồng trắng, số Imei: 355838080316361, có gắn sim số 0934779164; 01 xe mô tô hiệu Honda SH, màu sơn đen, biển số đăng ký: 11U1-079.74, số khung: 4224FY046322, số máy: JF42E1046333;

- Tạm giữ của Nguyễn Thị N1: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, số Imei: 357286092607609, có gắn sim số: 0905606366; 01 xe mô tô Piago Liberty màu xám đen, biển đăng ký số 43K1-409.58, số khung: 3401EV104627, số máy: M739M005184; 01 ví da màu đen kích thước 15 cm x 20 cm và số tiền 1.440.000 đồng;

- Tạm giữ của Đặng Thuý A: 01 điện thoại di động Iphone màu hồng, số Imei: 359183079057835, có gắn sim số: 0775499399;

- Tạm giữ của Huỳnh Thị H1: 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Imei: 359216071114572, có gắn sim số: 0935285253;

- Tạm giữ của Đỗ Ngọc B: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, số Imei: 359002096655215, có gắn sim số: 0763961903;

- Tạm giữ của Phạm Thị Lệ T1: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, số Imei: 354862091042900, có gắn sim số: 0905629593 và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh-đen, số Imei: 355816092403166, có gắn sim số: 0931121168;

- Tạm giữ của Lý Vũ Ngọc Q: 01 xe ô tô hiệu Honda City màu trắng, biển đăng ký: 43A-460.15, số khung: 6661KY806774, số máy: L15Z12339547.

Quá trình bắt quả tang bản thân N, H, K, T đều khai nhận số ma túy thu hồi và ma túy khay bị thu giữ đều là của N, H, K, T góp tiền để N mua về sử dụng.

Qua thử test phát hiện Đặng Văn N, Mai Văn H, Trần Công K, Lê Tất T, Đỗ Ngọc B, Lý Vũ Ngọc Q, Lê Hoài T2, Lâm Thị Kim P, Huỳnh Thị H1, Đặng Thuý A, Trần Thị Mai H2 đều dương tính với chất ma túy và Cơ quan y tế có thẩm quyền xác định những người này đều là người nghiện ma túy. Riêng Phạm Thị Lê T1 và Nguyễn Thị N1 âm tính với chất ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 228/GĐ-MT ngày 16/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

“- Chất bột màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G1, G2 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu G1: 0,009 gam; G2: 0,618 gam.

- Tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu G5 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine; khối lượng mẫu G5: 8,360 gam.

- Viên nén trong bì niêm phong ký hiệu G3 và G4 gửi giám định là ma túy loại MDMA; khối lượng mẫu G3: 12,481 gam; G4: 11,616 gam.”

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả các xe mô tô và tài sản cho chủ sở hữu do không liên quan đến vụ án gồm:

- Trả cho chị Hoàng Trần Khánh L3 (sinh năm: 1999, tạm trú: Số 20 đường B3, thành phố Đà Nẵng) 01 xe mô tô hiệu Honda SH mode, màu đỏ nâu, biển số đăng ký: 82B2-438.35, số khung: 5143GZ119569, số máy: JF51E0924980, chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe là chị Trần Thị H3 (sinh năm: 1974, trú tại: Thôn A2, xã I, huyện I1, tỉnh Gia Lai). Chị H3 cho xe mô tô nêu trên cho con ruột là chị Hoàng Trần Khánh L3 sử dụng và đi làm tại thành phố Đà Nẵng. Vào ngày 09.8.2019, chị L3 cho Trần Công K mượn xe mô tô trên để đi lại và không biết việc K sử dụng để đi đến quán karaoke R.

- Trả cho anh Hồ Q2 (sinh năm: 1985, trú tại: K814/86 đường V1, thành phố Đà Nẵng) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH màu đen, biển đăng ký: 43D1-151.99; số khung: 111339; số máy: 1026294 chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe là anh Hồ Q2. Vào ngày 09.8.2019, anh Q2 có cho Lê Tất T mượn xe mô tô nêu trên để làm phương tiện đi lại, việc T đi đến quán karaoke R và sử dụng trái phép chất ma túy thì Q2 không biết.

- Trả cho chị Trần Thị Thanh T7 (sinh năm: 1973, trú tại: K641/17 đường C3, thành phố Đà Nẵng) 01 xe ô tô hiệu Honda City màu trắng, biển đăng ký: 43A-460.15, số khung: 6661KY806774, số máy: L15Z12339547 chủ sở hữu trên giấy

đăng ký xe là Công ty TNHH thương mại và dịch vụ G3 do chị Trần Thị Thanh T7 làm giám đốc. Vào ngày 09.8.2019, chị T7 cho Lý Vũ Ngọc Q mượn xe ô tô trên để đi lại và không biết việc Q sử dụng để đi đến quán karaoke R.

- Trả cho Lê Hoài T2: 01 điện thoại di động Xiaomi màu bạc, số Imei: 86539603023515, có gắn sim số: 0764777752 và 01 điện thoại di động Nokia màu vàng, số Imei: 47010764971, có gắn sim số: 0935183481. 01 xe mô tô Honda Airblade màu đen bạc, biển đăng ký: 43R2-5345, số khung: 287814, số máy: 0331061 chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe là Phan V2 (sinh năm: 1983, trú tại: 18/1/1 đường Ô, thành phố Đà Nẵng). Ngày 09.8.2019, Lê Hoài T2 sử dụng xe mô tô nêu trên để đến quán Karaoke R. Hiện nay chiếc xe này ông V2 đã làm hợp đồng mua bán cho T2.

- Trả lại cho Lâm Thị Kim P: 01 điện thoại di động iphone màu bạc, số Imei: 354381065767549, có gắn sim số 0905396965;

- Trả lại cho Trần Thị Mai H2: 01 điện thoại di động iphone màu hồng trắng, số Imei: 355838080316361, có gắn sim số 0934779164. 01 xe mô tô hiệu Honda SH, màu sơn: đen, biển số đăng ký: 11U1-079.74, số khung: 4224FY046322, số máy: JF42E1046333, chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe là chị Bé Thị H4 (sinh năm: 1993, trú: Xã H5, huyện U, tỉnh Cao Bằng). Vào ngày 02.12.2017, chị H4 bán lại xe mô tô trên cho Trần Thị Mai H2 nhưng chưa sang tên đổi chủ.

- Trả lại cho Nguyễn Thị N1: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, số Imei: 357286092607609, có gắn sim số: 0905606366; 01 xe mô tô Piago Liberty màu xám đen, biển đăng ký số 43K1-409.58, số khung: 3401EV104627, số máy: M739M005184, chủ sở hữu trên giấy đăng ký xe là Nguyễn Thị N1; 01 ví da màu đen kích thước 15 cm x 20 cm và số tiền 1.440.000 đồng.

- Trả lại cho Đặng Thuý A: 01 điện thoại di động Iphone màu hồng, số Imei: 359183079057835, có gắn sim số: 0775499399.

- Trả lại cho Huỳnh Thị H1: 01 điện thoại di động Iphone màu đen, số Imei: 359216071114572, có gắn sim số: 0935285253.

- Trả lại cho Đỗ Ngọc B: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, số Imei: 359002096655215, có gắn sim số: 0763961903.

- Trả lại cho Phạm Thị Lệ T1: 01 điện thoại di động Iphone màu trắng, số Imei: 354862091042900, có gắn sim số: 0905629593 và 01 điện thoại di động Nokia màu xanh-đen, số Imei: 355816092403166, có gắn sim số: 0931121168.

Đối với Đặng Văn N, Mai Văn H, Trần Công K, Lê Tất T vào buổi tối ngày 04.8.2019 và ngày 07.8.2019, có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 26 viên ma túy thuốc lắc và 07 chỉ ma túy tại quán Karaoke P4 số 566 đường N5, thành phố Đà Nẵng cùng với bạn bè ngoài xã hội (không rõ nhân thân lai lịch). Do

quá trình kiểm tra không thu giữ được chất ma túy nên không có cơ sở để xác định được các đối tượng đã sử dụng loại chất ma túy nào có thuộc danh mục chất cấm của chính phủ quy định hay không. Đồng thời qua thử test Đặng Văn N, Mai Văn H, Trần Công K, Lê Tất T đều dương tính với chất ma túy và Cơ quan y tế có thẩm quyền xác định những người này đều là người nghiện ma túy; quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của những người đã sử dụng ma túy với N, K, H, T nên không đủ cơ sở để kết luận xử lý N, K, H, T đối với hai lần Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy này. Cơ quan Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Đặng Văn N, Mai Văn H, Trần Công K, Lê Tất T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có cơ sở.

Quá trình điều tra xác định Lê Hoài T2, Lý Vũ Ngọc Q, Đỗ Văn Bình, Lâm Thị Kim P, Huỳnh Thị H1, Đặng Thúy A, Trần Thị Mai H2 là những người nghiện ma túy có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không góp tiền mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có cơ sở.

Đối với đối tượng tên Bảy là người bán ma túy cho N nhưng chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với Hội kinh doanh Karaoke R do bà Phùng Thị M2 làm chủ, khi cho số khách đến hát karaoke thì không biết khách đem ma túy từ bên ngoài vào sử dụng. Ủy ban nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với bà M2 về hành vi đã để cho người khác lợi dụng sử dụng chất ma túy trong cơ sở mình quản lý là có cơ sở.

Tại phiên tòa các bị cáo Đặng Văn N, Trần Công K, Mai Văn H và Lê Tất T thừa nhận hành vi phạm tội của mình cả các bị cáo thừa nhận cáo Trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đã truy tố về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 255 của Bộ luật hình sự là đúng tội, không oan.

Tại Bản Cáo trạng số 153/CT-VKS ngày 02.11.2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê truy tố bị cáo Trần Công K về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Đặng Văn N, Mai Văn H và Lê Tất T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu và lời khai của người làm chứng và người chứng kiến. Do đó, đại diện có căn cứ khẳng định Cáo trạng truy

tổ các bị cáo về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

Căn cứ tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Công K mức án từ 08 đến 09 năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn N mức án từ 7 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù, bị cáo Lê Tất T mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Văn H mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 228/GĐ-MT ngày 16.8.2019, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn thành hình ống và 01 đĩa sứ màu trắng (có đường kính 25 cm và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật 05 cm x 09 cm bên trên có in chữ Chanel).

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 357678101395103, có gắn sim số: 0899215363.

- Trả lại cho Đặng Văn N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng và số tiền 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

- Trả lại cáo Trần Công K: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng - trắng, và 01 điện thoại di động Masstel màu xanh và số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Mai Văn H: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh và số tiền: 9.100.000đ (Chín triệu một trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho Lê Tất T: 01 điện thoại di động Iphone màu bạc, điện thoại di động hiệu Iphone màu xám và 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Đối với số tiền 120.000.000 đồng thu giữ trên người bị cáo N. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh được tiền này là tiền của chị Phạm Thị Lệ T1 gửi cho N nhờ mua xe SH cũ nhập từ Nhật vào tối ngày xảy ra vụ án. Do đó cần tuyên trả lại cho chị T1.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, mong HĐXX xem xét xử các bị cáo mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình làm người lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Vào trưa ngày 29.7.2019, tại quán cà phê trên đường S1, thành phố Đà Nẵng, Đặng Văn N, Mai Văn H, Trần Công K, Lê Tất T thống nhất góp mỗi người 10.000.000 đồng, riêng N góp 16.000.000 đồng để mua ma túy thuốc lắc về sử dụng. N liên lạc với người thanh niên tên Bảy (ở thành phố Hồ Chí Minh) mua 96 viên ma túy và 10 gói ma túy khay với giá là 46.000.000 đồng. Đến trưa ngày 31.7.2019, H chở N đến bến xe trung tâm thành phố Đà Nẵng nhận ma túy rồi mang ma túy về phòng trọ của N phân chia gói ma túy hàng khay ra thành nhiều gói nhỏ rồi thông báo cho T, K biết. Khoảng 23 giờ ngày 09.8.2019, N, H, T, K thống nhất đem ma túy đến phòng Kingdom 1 quán karaoke R số 199 đường B2, phường G2, quận K2, thành phố Đà Nẵng để sử dụng cùng với nhóm bạn (gồm 9 người). N đem 70 viên ma túy và gói ma túy khay để trên bàn, dùng tấm thẻ nhựa chia ra thành nhiều đường nhỏ rồi lấy tờ tiền 10.000 đồng cuộn lại làm ống hút để trên bàn ngay vị trí N ngồi để ai có nhu cầu thì sử dụng. Trong lúc hát karaoke các bị cáo và 07 người bạn gồm, Đỗ Ngọc B, Lý Vũ Ngọc Q, Lê Hoài T2, Lâm Thị Kim P, Huỳnh Thị H1, Đặng Thuý A và Trần Thị Mai H2 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy, (riêng Phạm Thị Lệ T1 và Nguyễn Thị N1 không sử dụng ma túy). Đến khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 10.8.2019, bị Công an quận Thanh Khê bắt quả tang và thu giữ toàn bộ lượng ma túy trên (*kết quả thử test những người này đều dương tính với ma túy tổng hợp*). Theo kết quả giám định 70 viên ma túy có khối lượng là 24,097g ma túy loại MDMA và gói ma túy hàng khay có khối lượng là 8,987g loại Ketamine. Căn cứ vào Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử số 89/TANDTC-PC ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi “Cung cấp ma túy cho người khác sử dụng” của các bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 255 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người của các bị cáo là đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt, do đó các bị cáo Đặng Văn N, Mai Văn H và Lê Tất T chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Công K phạm tội lần này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, là phạm vào 02 tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm chất con người, phá hoại hạnh phúc gia đình. Nhà nước đang tập trung mọi nỗ lực nhằm ngăn chặn đẩy lùi tệ nạn này. Mặc dù các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhưng đã bất chấp pháp luật mua ma túy về để tổ chức sử dụng. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và nguy hiểm hơn là bị cáo đã tiếp tay cho những tệ nạn xã hội và một trong những nguyên nhân hiểm họa gây ra căn bệnh thế kỷ HIV, do đó cần phải xét xử với mức án thật nghiêm nhằm giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Hoàn cảnh gia đình bị cáo N và T khó khăn; Bị cáo N có cha tham gia cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương, hiện nay cha bị cáo bị nhiễm chất độc màu da cam và thương binh hạng 4/4. Do đó, khi lượng hình HĐXX xem xét về các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, vai trò và nhân thân của các bị cáo theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự để xét xử mức án phù hợp.

[5] Xét các bị cáo N, K, T và H là người nghiện ma túy, các bị cáo đã tự thỏa thuận và thống nhất với nhau góp tiền mua ma túy về nhau sử dụng; N là người đứng ra nhận tiền, mua ma túy về cất giấu, tối ngày 09.8.2019, bị cáo rủ Lý Vũ Ngọc Q và Đặng Thúy A đến quán Karaoke R hát karaoke và sử dụng ma túy, do đó vai trò bị cáo trong vụ án quan trọng nhất; T tham gia rất tích cực là người chở N đi mua và nhận ma túy, bị cáo đã rủ Đỗ Ngọc B và Lê Hoài T2 đến quán Karaoke R để sử dụng ma túy nên vai trò bị cáo không kém phần quan trọng so với N; bị cáo H tham gia với vai trò thấp nhất, góp tiền cho N mua ma túy về sử dụng và tổ chức sử dụng. Do bị cáo H có nhân thân xấu, đã có 03 tiền án nhưng bị cáo không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo phải chịu mức án ngang với T. Trong vụ án này, bị cáo N có vai trò quan trọng hơn T và H, nhưng bị

cáo không phải là người khởi xướng, cầm đầu, rủ rê các bị cáo khác phạm tội mà chỉ là người đứng ra nhận tiền và đi mua ma túy về sử dụng. Tuy nhiên, bị cáo N được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn so với T và H, do đó khi lượng hình Hội đồng xét đến tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, vai trò phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, (theo quy định tại Điều 50 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự), HĐXX quyết định xử phạt bị cáo N mức án bằng T và H.

[6] Đối với bị cáo Trần Công K, mặc dù trong vụ án này bị cáo tham gia với vai trò là người góp tiền cho N mua ma túy về sử dụng và tổ chức sử dụng, nhưng bị cáo là người có nhân thân rất xấu, năm 2005 phạm tội đặc biệt nghiêm trọng “Giết người”, nhưng sau khi ra tù bị cáo không biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình mà lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, nên bị cáo phải chịu mức án cao hơn so với N, T và H.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 228/GĐ-MT ngày 16.8.2019, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng là phương tiện phạm tội, đây là vật cấm lưu hành nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn thành hình ống và 01 đĩa sứ màu trắng (có đường kính 25 cm và 01 thẻ nhựa hình chữ nhật 05 cm x 09 cm bên trên có in chữ Chanel) là vật dùng vào việc tổ chức sử dụng ma túy xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 357678101395103, có gắn sim số: 0899215363 của Đặng Văn N dùng để liên lạc mua ma túy, đây là phương tiện dùng để liên lạc dùng cho việc phạm tội, nên cần tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số Imei: 353110103730396, có gắn sim số: 0901188885 N dùng làm phương tiện liên lạc cá nhân không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[9] Đối với số tiền 122.300.000 đồng thu giữ của Đặng Văn N. Trong đó, 120.000.000 đồng là của chị Phạm Thị Lệ T1 gửi cho N nhờ mua xe SH (nhập của Nhật), 2.300.000 đồng là của N. Theo chị T1 khai số tiền 120.000.000 đồng trên là tiền do chị tích lũy, tiết kiệm mà có được, (trong đó, 55.000.000 đồng rút tiết kiệm tại Ngân hàng, 30.000.000 đồng tiền chị Vy – là bạn chị T1 trả nợ và vay thêm của chị Vy 20.000.000 đồng, tiền bán xe mô tô hiệu Lead cũ được 15.000.000 đồng). Do có quan hệ quen biết với N và nghe N nói có quen biết với nhiều chủ cửa hàng

bán xe SH cũ nhập từ Nhật, tối ngày 09.8.2019 chị có điện thoại cho N để gặp N giao tiền nhờ ngày mai mua giúp thì N hẹn đến quán karaoke R, trong lúc ngồi chơi và hát karaoke chị có giao cho N 120.000.000 đồng, N nhận tiền rồi bỏ vào túi quần và tiếp tục ngồi hát thì một lát sau Công an đến bắt quả tang và thu giữ số tiền trên. Xét thấy lời khai của chị T1 phù hợp với lời khai của bị cáo tại các biên bản ghi lời khai lúc xảy ra sự việc và biên bản phạm tội quả tang, quá trình điều tra Cơ quan điều tra cũng đã điều tra làm rõ nguồn gốc số tiền trên và không chứng minh được số tiền này được dùng vào việc phạm tội. Qua phần tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX xét thấy lời khai của chị T1 là phù hợp, nên có căn cứ xác định số tiền 120.000.000 đồng trên là tiền của chị T1. Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX cũng không có căn cứ chứng minh được số tiền N sử dụng vào việc phạm tội, do đó cần tuyên trả lại cho chị T1. Đối với số tiền 2.300.000 đồng là tiền tiêu xài cá nhân của N không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[10] Đối với 01 điện thoại di động Iphone màu vàng - trắng, có số Imei: 356708081355966, có gắn sim số: 0777722243 và 01 điện thoại di động Masstel màu xanh, số Imei: 3525180990279782, có gắn sim số: 0777766643; số tiền 600.000 đồng tạm giữ của Trần Công K; 01 điện thoại di động Iphone màu bạc, số Imei: 3530420994221078, có gắn sim số: 0932442452 và điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số Imei: 353265072100326, có gắn sim số: 0905888527 và 3.000.000 đồng tạm giữ của Lê Tất T; 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, số Imei: 355392070411980, có gắn sim số: 0905208612 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 358618062914400 cùng số tiền: 9.100.000 đồng tạm giữ của Mai Văn H. Xét những chiếc điện thoại và số tiền trên là phương tiện liên lạc và tiền tiêu xài của cá nhân các bị cáo. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không chứng minh được các bị cáo sử dụng tài sản trên vào việc phạm tội, do đó HĐXX xét thấy cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho một số người không liên quan đến vụ án. Xét thấy việc trả lại tài sản trên của Cơ quan điều tra là có căn cứ nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Công K, Đặng Văn N, Lê Tất T và Mai Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[12] Lời phát biểu đề nghị áp dụng pháp luật và mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp

nhận. Tuy nhiên, mức hình phạt đối với bị cáo Đặng Văn N nghiêm minh so với các bị cáo khác nên HĐXX xét xử mức án thấp hơn lời đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Công K, Đặng Văn N, Lê Tất T và Mai Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1/ Căn cứ điểm b, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Trần Công K 8 (tám) năm tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2019.

2/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Đặng Văn N 07 (bảy) năm tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2019.

3/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Lê Tất T 07 (bảy) năm tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2019.

4/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Mai Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2019.

5/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 01 bì niêm phong số 228/GĐ-MT ngày 16/8/2019, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn thành hình ống; 01 đĩa sứ màu trắng (có đường kính 25 cm, 01 thẻ nhựa hình chữ nhật 05cm x 09 cm bên trên có in chữ Chanel) và thẻ sim số: 0899215363.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei: 357678101395103.

- Trả lại cho Đặng Văn N: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng, số Imei: 353110103730396, có gắn sim số: 0901188885 và số tiền 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm ngàn đồng).

- Trả lại cáo Trần Công K: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng - trắng, có số Imei: 356708081355966, có gắn sim số: 0777722243 và 01 điện thoại di động Masstel màu xanh, số Imei: 3525180990279782, có gắn sim số: 0777766643; số tiền 600.000đ (Sáu trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho Mai Văn H: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng, số Imei: 355392070411980, có gắn sim số: 0905208612 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh, số Imei: 358618062914400 cùng số tiền: 9.100.000đ (Chín triệu một trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho Lê Tất T: 01 điện thoại di động Iphone màu bạc, số Imei: 3530420994221078, có gắn sim số: 0932442452 và điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số Imei: 353265072100326, có gắn sim số: 0905888527 và 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

- Trả lại cho chị Phạm Thị Lệ T1 số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

(Tất cả các vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự. quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Quyết định chuyển vật chứng số 33/QĐ-VKS ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-4-2020 của Chi cục Thi hành án quận Thanh Khê).

6/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số:326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Buộc các bị cáo Trần Công K, Đặng Văn N, Mai Văn H và Lê Tất T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm

7/ Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSNDTP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CAQ. Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS CAQ. Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Vũ